

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chò ban hành và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản họp DHDCD số: 06/BB-DHDCD ngày 30/3/2024 và Biên bản kiểm phiếu biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chò.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông quyết nghị thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua phê duyệt điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2023:

DHDCD nhất trí phê duyệt điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2023 số liệu cụ thể theo Nghị quyết số 81/NQ-SCC-HDQT ngày 10/7/2023 của HDQT Công ty đã phê duyệt, với các chỉ tiêu cơ bản sau:

TT	Khoản mục	DVT	Giá trị		Ghi chú
			Kế hoạch đã phê duyệt	Kế hoạch điều chỉnh	
I	SẢN LƯỢNG	kWh			
A	THỦY ĐIỆN				
1	Sản lượng điện sx	10 ⁶	31,94	30,66	
2	Slg điện thương phẩm sau tổn thất	10 ⁶	30,43	29,21	
2.1	Giờ cao điểm	10 ⁶	8,28	7,08	
2.2	Giờ thấp điểm và bình thường	10 ⁶	22,15	22,12	
B	DIỆN MẶT TRỜI				
1	Sản lượng điện sx	10 ⁶	1,28	1,21	
2	Slg điện thương phẩm trừ tổn thất và tự dùng	10 ⁶	1,19	1,16	
II	TỔNG DOANH THU	Đồng	44.923,02	41.580,50	
II.1	DOANH THU THUẬN	10 ⁶	40.612,03	37.335,27	
A	THỦY ĐIỆN	10 ⁶	37.978,95	34.774,18	
1	Doanh thu từ bán điện	10 ⁶	37.978,95	34.774,18	
1.1	Giờ cao điểm	10 ⁶	22.039,33	18.850,53	

1.2	Giờ thấp điểm và bình thường	10 ⁶	15.939,62	15.923,66
B	DIỆN MẶT TRỜI	10 ⁶	2.633,08	2.561,09
1	Doanh thu từ bán điện	10 ⁶	2.633,08	2.561,09
C	HOẠT ĐỘNG KHÁC	10 ⁶		
II.2	DOANH THU TÀI CHÍNH, DOANH THU KHÁC	10 ⁶	60,00	88,81
II.3	THUẾ PHÍ TÍNH BỔ SUNG		4.250,99	4.156,41
1	Tiền thuế phí được tính bổ sung	10 ⁶	3.932,05	3.837,47
2	Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	10 ⁶	318,94	318,94
III	TỔNG CHI PHÍ	Đồng	37.282,79	37.545,10
1	Giá vốn hàng bán, chi phí QLDN, chi phí tài chính và CP khác	10 ⁶	33.031,80	33.388,69
2	Thuế phí tính bổ sung	10 ⁶	4.250,99	4.156,41
IV	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	10 ⁶	7.640,23	4.035,41
V	CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	10 ⁶	764,02	225,53
VI	LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN	10 ⁶	6.876,21	3.809,88

2. Thông qua nội dung Báo cáo của HĐQT, báo cáo của BKS, báo cáo tài chính năm 2023:

2.1) Nội dung báo cáo của HĐQT, báo cáo của BKS, báo cáo tài chính:

2.2) Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2023:

- Doanh thu và thu nhập khác: 35,32/37,42 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 2,75/3,81, tỷ đồng.
- Lợi nhuận lũy kế: 2,75/3,81, tỷ đồng.
- Nộp ngân sách Nhà nước: 8,38 tỷ đồng.
- Tổng tài sản: 208,23 tỷ đồng
- + Tài sản ngắn hạn: 11,11 tỷ đồng, chiếm 5,3% tổng tài sản
- + Tài sản dài hạn: 197,12 tỷ đồng, chiếm 94,7% tổng tài sản
- Nguồn vốn: 208,23 tỷ đồng
- + Vốn chủ sở hữu: 89,62 tỷ đồng, chiếm 43,0% tổng nguồn vốn
- + Nợ phải trả: 118,61 tỷ đồng, chiếm 57,0% tổng nguồn vốn
- Vốn Điều lệ: 89,56/89,56 tỷ đồng đạt 100,0% kế hoạch

3. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2024:

3.1. Công tác sản xuất kinh doanh:

Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 là vận hành phát điện NMTD Sông Chò 2 và Dự án điện mặt trời áp mái 1Mwp Sông Chò đảm bảo hiệu quả, an toàn, hạn chế các sự cố đường dây DZ 35 và sự cố thiết bị.

- Doanh thu thuần và doanh thu khác năm 2024: 35.798,2 triệu đồng;
- + Nhà máy thủy điện Sông Chò 2: 33.049,35 triệu đồng (Không bao gồm thuế tài nguyên nước và phí môi trường rừng).

+ Dự án điện mặt trời mái 1Mwp Sông Chò: 2.607,25 triệu đồng.

+ Doanh thu hoạt động khác: 141,59 triệu đồng.

Chi tiết theo bảng sau:

TT	Khoản mục	ĐVT	Giá trị	Ghi chú
I	SẢN LƯỢNG	kWh		
A	THỦY ĐIỆN			
1	Sản lượng điện sx	10 ⁶	28,60	
2	Slg điện thương phẩm sau tổn thất	10 ⁶	27,24	
2.1	<i>Giờ cao điểm</i>	10 ⁶	6,94	
2.2	<i>Giờ thấp điểm và bình thường</i>	10 ⁶	20,31	
B	ĐIỆN MẶT TRỜI			
1	Sản lượng điện sx	10 ⁶	1,23	
2	Slg điện thương phẩm trừ tổn thất và tự dùng	10 ⁶	1,17	
II	TỔNG DOANH THU	Đồng	39.831,18	
II.1	DOANH THU THUẦN	10⁶	35.656,61	
A	THỦY ĐIỆN	10⁶	33.049,35	
1	Doanh thu từ bán điện	10 ⁶	33.049,35	
1.1	<i>Giờ cao điểm</i>	10 ⁶	18.454,83	
1.2	<i>Giờ thấp điểm và bình thường</i>	10 ⁶	14.594,52	
B	ĐIỆN MẶT TRỜI	10⁶	2.607,25	
1	Doanh thu từ bán điện	10 ⁶	2.607,25	
C	HOẠT ĐỘNG KHÁC	10⁶		
II.2	DOANH THU TÀI CHÍNH, DOANH THU KHÁC	10⁶	141,60	
II.3	THUẾ PHÍ TÍNH BỔ SUNG		4.032,97	
1	Tiền thuế phí được tính bổ sung	10 ⁶	3.714,03	
2	Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	10 ⁶	318,94	
III	TỔNG CHI PHÍ	Đồng	33.912,29	
1	Giá vốn hàng bán, chi phí QLDN, chi phí tài chính và CP khác	10 ⁶	29.879,32	
2	Thuế phí tính bổ sung	10 ⁶	4.032,97	
IV	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	10⁶	5.918,88	
V	CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	10⁶	295,94	
VI	LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN	10⁶	5.622,94	

0716158
 NG TY
 PHÂN
 Y ĐIỆN
 G CHỨC
 G - T KHÁC

3.2. Công tác thi công sửa chữa.

- Hoàn thành công tác duy tu, sửa chữa các hạng mục công trình.
- Lắp bổ sung tấm đan, đồ bê tông nắp kênh dẫn nước, gia cố ngầm suối Mrao, ngầm tràn đường vận hành VH2 vào NMTD Sông Chò 2, đồ bê tông đường, rãnh thoát nước đường vận hành VH1, phát quang bạt mái taluy dương kênh dẫn những vị trí có

nguyên cơ sạt lở, di dời hệ thống do đếm NMTD Sông Chò 2. (dự kiến tổng chi phí 1.050 triệu đồng).

- Hoàn thành việc kiểm tra đưa ra giải pháp khắc phục hiệu suất các INV ABB.
- Dôn đốc nhà sản xuất ABB bảo hành xong 01 INV dự phòng.

3.3. Công tác tài chính kế toán.

- Thực hiện công tác quản lý tài chính theo các quy định, chuẩn mực kế toán hiện hành.
- Lập báo cáo tài chính hàng quý, năm 2024 theo quy định.
- Chi trả tiền lương cho cán bộ công nhân viên đầy đủ, kịp thời.
- Chi trả tạm ứng cổ tức năm 2024 cho các cổ đông.
- Cân đối nguồn vốn phù hợp trả nợ ngân hàng tối đa và kịp thời.
- Kiểm tra quyết toán thuế các năm với cơ quan thuế.

Kế hoạch tài chính.

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (ĐỒNG)	GHI CHÚ
I	Nguồn vốn (tiền về tài khoản)	43.297.093.383	
1	Tồn tiền mặt và tiền gửi	3.200.250.696	
2	Thu tiền bán điện Sông Chò 2	36.791.116.249	
3	Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước_ SC2	350.835.100	
4	Thu tiền bán điện mặt trời	2.813.292.603	
5	Thu lãi tiền gửi & thu nhập khác	141.598.735	
II	Nợ phải trả, phải nộp	38.339.639.932	
1	Công nợ phải trả Dự án SC2	1.414.485.040	
2	Trả nợ gốc vay	11.552.000.000	
2.1	Ngân hàng TMCP An Bình_ vay đầu tư SC2	10.052.000.000	
2.2	Ngân hàng TMCP An Bình_ DMT	1.500.000.000	
3	Thuế và phí phải nộp	7.800.377.820	
4	Tiền BHXH, BHYT, BHTN	204.288.000	
5	Chi phí hoạt động	17.368.489.072	
5.1	Chi phí hoạt động chi bằng tiền	2.586.479.127	
5.2	Chi phí lãi vay	11.302.000.000	
5.3	Chi phí QLDN chi bằng tiền	2.346.009.945	
5.4	Chi phí sửa chữa lớn và đầu tư mới	1.134.000.000	
III	Dòng tiền cuối kỳ	4.957.453.451	
	Số tiền chi trả cổ đông	2.484.109.620	
	Dự kiến chi quỹ khen thưởng, phúc lợi	150.000.000	
IV	Số tiền tồn quỹ và gửi ngân hàng sau khi chi trả cổ tức và chi quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến	2.323.343.831	

4. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

DHDCD ủy quyền cho HĐQT và ban kiểm soát lựa chọn đơn vị tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 đảm bảo phù hợp qui định pháp luật của nhà nước và qui định của Công ty.

5. Thông qua báo cáo chi tiền lương, thù lao và chi phí khác của HĐQT, Ban KS năm 2023 và Dự toán tổng mức tiền lương, thù lao và chi phí khác của HĐQT, Ban KS năm 2024.

5.1. Báo cáo chi tiền lương, thù lao và chi phí khác năm 2023:

- Thực chi tiền lương, thù lao và chi phí khác của HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2023 với số tiền là: 996.000.000 đồng.

5.2. Dự toán tổng mức tiền lương, thù lao và chi phí khác của HĐQT, Ban KS năm 2024 với số tiền là: 996.000.000 đồng.

6. Thông qua việc chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty.

7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023, Dự kiến tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và mức chi trả cổ tức năm 2024.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 nhất trí Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023, mức chi trả cổ tức năm 2023 và dự kiến trích lập các quỹ 2024 như sau:

7.1. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 như sau:

- Đồng ý Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 là: 50.000.000 đồng tương đương 1,8%/Lợi nhuận sau thuế.

- Đồng ý phê duyệt Tỷ lệ chia cổ tức năm 2023 là 3% (300 vnd/ 1 cổ phần) tương đương 97,9%/Lợi nhuận sau thuế.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 nhất trí thông qua phương án tạm ứng trước cổ tức đợt 1 năm 2023 chi trả cho các cổ đông theo Nghị quyết số 81/NQ-SCC-HĐQT ngày 10/7/2023 của HĐQT Công ty đã phê duyệt.

7.2. Dự kiến tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và mức chi trả cổ tức năm 2024 như sau:

- Dự kiến tỷ lệ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 là: 300.000.000 đồng tương đương 5,3%/Lợi nhuận sau thuế.

- Dự kiến mức chi trả cổ tức năm 2024 là 5% (500 vnd/ 1 cổ phần) tương đương 79,6%/Lợi nhuận sau thuế.

8. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm tạm ứng cổ tức 2024 cho Cổ đông.

DHĐCD đồng ý ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình tài chính và kế hoạch sản xuất năm 2024 của Công ty, HĐQT được quyền lựa chọn thời điểm phù hợp để ứng trước cổ tức 2024 cho Cổ đông đảm bảo cân đối tài chính Công ty, Điều lệ công ty và quy định hiện hành.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo bộ máy điều hành tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, xem xét tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 cho phù hợp với thực tế (nếu có sự thay đổi). Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết này.

